TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Hoàng Văn Lang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/01/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố K P, thị trấn N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn**:** Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố K P, thị trấn N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Chị L, anh Đ cùng có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại đơn đề nghị xử vắng mặt chị Lý Thị L trình bày:

Chị và anh Phùng Văn Đ quen biết, tự nguyện cưới hỏi năm 2006. Ngày 28/7/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới chị về chung sống với gia đình anh Đ tại Tổ dân phố K P, thị trấn N H. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy việc tiếp tục chung sống thì vợ chồng cũng không còn tôn trọng, yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xác định tình cảm với anh Đ không còn, chị xin ly hôn. Chị đề nghị không hoà giải và xin xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/9/2007 . Hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Ly hôn chị đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.350.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không yêu cầu toà giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có.

Tại biên bản lấy lời khai anh Phùng Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lý Thị L quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N H. Anh chị sống chung với nhau tại Tổ dân phố K P. Qúa trình chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 05 năm. Sau đó do vợ anh đi làm xa ít về, dần dần tình cảm xa cách. Chị L đã về không về nhà nhiều năm. Chị L xin ly hôn anh nhất trí. Anh xin xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/9/2007. Hiện nay cháu đang ở với anh. Ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu, đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 1.350.000đ/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng anh không có.

Kết quả xác minh:

Công an viên Tổ dân phố K P – Ông Hoàng Văn Lưu cho biết: Chị Lý Thị L và anh Phùng Văn Đ đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị L về ở cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống ở thôn anh Đ, chị L sống hoà thuận, hạnh phúc. Chính quyền thôn không nhận được thông tin gì về việc chị L, anh Đ mâu thuẫn nhưng khoảng 03 năm gần đây ông không thấy chị L về ở cùng anh Đ.

Anh Đ, chị L có 01 con chung là cháu Phùng Đức T, đang học lớp 9 tại trường Trung học cơ sở thị trấn N H. Cháu đang ở cùng anh Đ.

Anh Đ, chị L vay nợ chung như thế nào ông không rõ.

Anh Đ có nghề nghiệp là làm ruộng. Chị L đi làm công nhân, Thu nhập của anh Đ, chị L như thế nào ông không rõ.

Cháu Phùng Đức T khai tại biên bản lấy lời khai: Bố cháu và mẹ cháu đã lâu không ở với nhau. Cháu đang ở với bố. Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục ở cùng bố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 và Điều 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 101, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị xử cho chị Lý Thị L ly hôn anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Phùng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Văn Đ, sinh ngày 09/9/2007. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.350.000đ/ tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng

hàng tháng. Chị L và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lý Thị L trình bày không đề nghị Toà giải quyết. Anh Phùng Văn Đ cùng xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Chị Lý Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị L, anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Lý Thị L nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Sổ hộ khẩu; Bản phô tô chứng minh thư nhân dân chị L; Bản phô tô giấy khai sinh của con.

Tòa án thu thập: Biên bản xác minh với Tổ dân phố K P, lấy lời khai anh Đ, cháu T.

Chị Lý Thị L và anh Phùng Văn Đ thống nhất với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L đề nghị không hoà giải, chị L và anh Đ đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Anh Phùng Văn Đ cư trú tại Tổ dân phố K P, thị trấn N H, huyện Na Hang. Chị Lý Thị L có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Toà án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng chị L có đơn xin không hoà giải. Tòa án xác minh và quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Anh Đ, chị L cùng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 228, 238 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Lý Thị L và anh Phùng Văn Đ trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị L, anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Anh Đ và chị L cùng xác định đã sống ly thân khoảng 03 năm.

Anh Đ, chị L sống ly thân đã lâu. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng. Cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lý Thị L ly hôn anh Phùng Văn Đ.

[4] Con chung: Chị Lý Thị L và anh Phùng Văn Đ có 01 con chung là cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/9/2007. Cháu T đang ở cùng bố. Anh Đ đề nghị khi ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chị L cấp dưỡng 1.350.000 đ. Chị L trình bày ý kiến là để anh Đ nuôi cháu T, nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ là 1.350.000đ. Cháu T có nguyện vọng ở với bố. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 101, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, giao cháu T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.350.000đ/ tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lý Thị L trình bày không đề nghị Toà giải quyết. Anh Phùng Văn Đ cùng xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Do đó Toà án không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điêu 144 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 207, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 101, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giao nuôi con chung của chị Lý Thị L.

Tuyên xử:

1. Cho chị Lý Thị L ly hôn anh Phùng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Phùng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/9/2007. Chị Lý Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải trả (Phải cấp dưỡng), khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cấp dưỡng. Tổng chị L phải chịu 600.000đ án phí. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004976 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang. Chị L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị L và anh Phùng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;
- UBND thị trấn N H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành